KẾT QUẢ XÉT HỌC VỤ HỌC KỲ 1/2016-2017 @ KHÓA 2015

Xem cột Kết luận

1. DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC KỂ TỪ HỌC KỲ 2/2016-2017

TT	MaHS	SoTheSV	Hoten	Tenlop	TongTCTN	TCnam	TongTCthie	TongTCTLuy	HangNam	SoTC	DiemTBTL	TongTC_Ky	DiemTBHT	DiemTBHT1	DiemTBHB	SoTCH	Diem	TongT	TongTCk	CB121	CB122	CB131	CB132	CB141	CB142	CB151	CB152	DiemDA	TN		Tluy_YC		Thoi_152_2	Thoi_152	Chiếu cố	Csach	bao_152_	152_	bao_152			đã CB?	Cử tuyển?	Không xét?	**Kết luận**
	101150134	101150134	Nguyễn Đăng Những	15C1C	152.0	30.4	138.0	14.0	0.5	152.0	2.89		0.00	0.00	0														0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	101150138	101150138	Lê Quang Phương	15C1C	152.0	30.4	142.0	10.0	0.3	152.0	1.40		0.00	0.00	0				19.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	101150150	101150150	Phan Văn Toại	15C1C	152.0	30.4	140.0	12.0	0.4	152.0	1.25		0.00	0.00	0				18.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150129	103150129	Nguyễn Văn Kiến	15C4B	153.0	30.6	137.0	16.0	0.5	153.0	2.63		0.00	0.00	0				18.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150183	103150183	Mai Văn Đức	15KTTT	154.0	30.8	141.0	13.0	0.4	154.0	1.62		0.00	0.00	0				18.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150192	103150192	Võ Hoàng Trọng Khánh	15KTTT	154.0	30.8	138.0	16.0	0.5	154.0	3.28		0.00	0.00	0				18.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150212	103150212	Hoàng Võ Thanh	15KTTT	154.0	30.8	138.0	16.0	0.5	154.0	2.06		0.00	0.00	0				17.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150213	103150213	Lê Tấn Thành	15KTTT	154.0	30.8	139.0	15.0	0.5	154.0	2.70		0.00	0.00	0				18.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150222	103150222	Lê Đức Tính	15KTTT	154.0	30.8	144.0	10.0	0.3	154.0	1.40		0.00	0.00	0				18.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150224	103150224	Huỳnh Văn Trai	15KTTT	154.0	30.8	141.0	13.0	0.4	154.0	1.69		0.00	0.00	0				14.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	104150012	104150012	Phạm Xuân Đức	15N1	152.5	30.5	152.5	10.0	0.0	152.5	1.80		0.00	0.00	0				7.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	104150048	104150048	Cao Hữu Phước	15N1	152.5	30.5	152.5	13.0	0.0	152.5	2.04		0.00	0.00	0				14.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	104150067	104150067	Mai Văn Trường	15N1	152.5	30.5	152.5	8.0	0.0	152.5	1.75		0.00	0.00	0				23.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	105150056	105150056	Nguyễn Tâm	15D1	153.0	30.6	153.0	16.0	0.0	153.0	2.72		0.00	0.00	0				19.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	106150039	106150039	Trần Đình Hiếu Nghĩa	15DT1	152.0	30.4	152.0	13.0	0.0	152.0	2.00		0.00	0.00	0				20.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	106150203	106150203	Lê Ngô Thanh Tâm	15DT3	152.0	30.4	152.0	13.0	0.0	152.0	1.77		0.00	0.00	0				16.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150053	107150053	Ngô Xuân Thành	15H1,4	153.0	30.6	153.0	17.0	0.0	153.0	2.47		0.00	0.00	0				19.5								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150086	107150086	Mông Thị Huệ	15H2A	153.0	30.6	153.0	16.5	0.0	153.0	2.94		0.00	0.00	0				21.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150102	107150102	Phan Phước Thùy Nhi	15H2A	153.0	30.6	146.0	20.5	0.2	153.0	3.85		0.00	0.00	0														0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150163	107150163	Võ Thy Nguyên	15H2B	153.0	30.6	148.0	19.5	0.2	153.0	3.00		0.00	0.00	0				21.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150170	107150170	Phạm Văn Phụng	15H2B	153.0	30.6	145.0	23.5	0.3	153.0	2.09		0.00	0.00	0				22.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150205	107150205	Đặng Thị Gái	15H5	153.0	30.6	137.5	29.5	0.5	153.0	2.17		0.00	0.00	0				20.5										0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150221	107150221	Hoàng Minh Hưng	15H5	153.0	30.6	150.0	16.0	0.1	153.0	2.59		0.00	0.00	0				14.5								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150306	107150306	Trần Quốc Lợi	15SH	153.0	30.6	133.0	32.0	0.7	153.0	2.17		0.00	0.00	0				18.0										0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150020	109150020	Lê Huỳnh Đức	15X3A	153.0	30.6	153.0	16.0	0.0	153.0	1.88		0.00	0.00	0				17.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150033	109150033	Phan Ngọc Linh	15X3A	153.0	30.6	153.0	6.0	0.0	153.0	2.00		0.00	0.00	0				22.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150123	109150123	Hoàng Văn Tuyến	15X3B	153.0	30.6	153.0	14.0	0.0	153.0	2.14		0.00	0.00	0				21.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150145	109150145	Lê Quang Khải	15X3C	153.0	30.6	153.0	12.0	0.0	153.0	2.33		0.00	0.00	0				21.0										0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	110150108	110150108	Đoàn Trí Đạt	15X1B	153.0	30.6	153.0	14.0	0.0	153.0	2.14		0.00	0.00	0				10.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150013	111150013	Nguyễn Quốc Dân	15THXD	153.5	30.7	140.5	13.0	0.4	153.5	2.00		0.00	0.00	0				14.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150060	111150060	Lê Danh Tuấn	15THXD	153.5	30.7	140.5	13.0	0.4	153.5	1.85		0.00	0.00	0				14.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150100	111150100	Vũ Xuân Sơn	15X2	151.0	30.2	130.0	31.0	0.7	151.0	1.69		0.00	0.00	0				20.0										0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150016	117150016	Nguyễn Trần Anh	15MT	153.0	30.6	138.0	15.0	0.5	153.0	2.07		0.00	0.00	0				19.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150040	117150040	Nguyễn Đình Khoa	15MT	153.0	30.6	140.0	13.0	0.4	153.0	1.85		0.00	0.00	0				19.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150145	117150145	Hờ Bá Và	15QLMT	153.0	30.6	128.0	25.0	0.8	153.0	1.86		0.00	0.00	0				16.0										0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	118150061	118150061	Nguyễn Thị Hà	15KX2	154.5	30.9	138.5	16.0	0.5	154.5	1.81		0.00	0.00	0				19.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	118150107	118150107	Nguyễn Mạnh Cường	15QLCN	154.0	30.8	140.0	14.0	0.5	154.0	1.89		0.00	0.00	0				20.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	121150117	121150117	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	15KT2	151.5	30.3	143.5	8.0	0.3	151.5	2.25		0.00	0.00	0				24.0								1		0		1.2	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	101150066	101150066	Nguyễn Tiến Dũng	15C1B				12.0		152.0	2.83	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	101150208	101150208	Đào Phan Khải Hoàn	15CDT2				11.0		152.0	1.82	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	102150102	102150102	Lương Văn Huy	15T2				16.0		152.0	2.25	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150056	103150056	Nguyễn Hồng Long	15C4A				16.0		153.0	2.19	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150083	103150083	Nguyễn Đăng Thịnh	15C4A				0.0		153.0	0.00	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1				1	1			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	103150234	103150234	Hoàng Đức Minh	15C4A				16.0		153.0	2.56	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	104150005	104150005	Nguyễn Đình Chiến	15N1				15.0		152.0	2.03	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	105150162	105150162	Lê Xuân Phúc	15D3				16.0		152.0	2.03	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	105150196	105150196	Võ Mạnh Hùng	15DCLC				9.0		150.0	2.78	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	106150193	106150193	Nguyễn Phú Nhiên	15DT3				16.0		152.0	2.50	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150003	107150003	Lê Đức Anh	15H1,4				16.0		153.0	2.25	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	107150204	107150204	Nguyễn Quang Duy	15H5				17.0		153.0	3.00	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	108150027	108150027	Nguyễn Thị Ngân	15SK				15.0		140.5	2.80	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	108150060	108150060	Nguyễn Thanh Hoàng	15SK				8.0		140.5	2.25	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150161	109150161	Trần Minh Quân	15X3C				16.0		153.0	1.63	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150212	109150212	Lê Bảo Việt Sơn	15X3CLC				9.0		154.0	1.67	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150275	109150275	Trần Tuấn Thành	15VLXD				13.0		153.0	2.77	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	110150095	110150095	Nguyễn Đình Tứ	15X1A				0.0		152.0	0.00	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1				1	1			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	110150165	110150165	Trần Quốc Thịnh	15X1B				16.0		153.0	2.81	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	110150239	110150239	Hoàng Văn Thích	15X1C				15.0		153.0	2.33	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150007	111150007	Trần Ngọc Bảo	15THXD				14.0		150.0	2.14	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150016	111150016	Nguyễn Văn Đạt	15THXD				12.0		150.0	2.33	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150086	111150086	Lê Trần Văn Khánh	15X2				16.0		151.0	2.16	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150115	117150115	Nguyễn Thị Mai Phương	15QLMT				14.0		153.0	2.64	0.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	104150087	104150087	Bùi Minh Dự	15N2	152.5	30.5	152.5	16.0	0.0	152.5	1.72	2.0	0.00	0.00	0	0													0		1.2	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150065	117150065	Hồ Trọng Thắng	15MT	153.0	30.6	142.0	11.0	0.4	153.0	1.55	15.0	0.00	0.00	0.08	7			24.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	102150172	102150172	Nguyễn Duy Khánh	15T3	153.0	30.6	131.0	22.0	0.7	153.0	2.57	16.0	0.00	0.00	0	0		15.5	18.0										0		1.2	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	105150285	105150285	Phạm Xuân Phú	15TDH1	154.0	30.8	139.0	28.0	0.5	154.0	2.07	16.0	0.00	0.00	0	5		18.0	21.0										0		1.2	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150018	117150018	Nguyễn Nhật Ánh	15MT	153.0	30.6	134.0	19.0	0.6	153.0	2.18	16.0	0.00	0.00	0.04	0		17.0	15.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	117150057	117150057	Nguyễn Phước	15MT	153.0	30.6	121.0	32.0	1.0	153.0	2.27	16.0	0.00	0.00	0.05	3			19.0										0		1.2	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	106150155	106150155	Lê Đình Vũ Anh	15DT3	152.0	30.4	143.0	24.0	0.3	152.0	1.60	18.0	0.00	0.00	0.02	0			18.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150193	109150193	Trần Hữu Hùng	15X3CLC	154.0	30.8	142.0	19.0	0.4	154.0	1.71	19.0	0.00	0.00	0	0		21.5	22.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	109150213	109150213	Võ Trần Sơn	15X3CLC	154.0	30.8	154.0	10.0	0.0	154.0	1.65	19.0	0.00	0.00	0	0		21.5	18.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	105150189	105150189	Nguyễn Hồ Bửu Đạt	15DCLC	149.5	29.9	149.5	7.0	0.0	149.5	2.00	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	105150226	105150226	Lê Văn Tư	15DCLC	149.5	29.9	149.5	9.0	0.0	149.5	2.28	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	102150219	102150219	Phạm Trung Hiếu	15TCLC1	154.5	30.9	143.0	11.5	0.4	154.5	3.52	21.0	0.00	0.00	0	0		21.0	20.5								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	102150243	102150243	Nguyễn Yên Sơn	15TCLC1	154.5	30.9	145.5	9.0	0.3	154.5	2.28	21.0	0.00	0.00	0	0		21.0	20.5								1		0		1.2	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Buộc thôi
	111150129	111150129	Nguyễn Trọng Nam Xuyên	15X2	151.0	30.2	129.5	31.5	0.7	151.0	1.35	16.5	0.67	3.40	3.43	0		15.5	23.0							1	1		0		1.2		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Buộc thôi